

Số: 1792/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 12 tháng 11 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường  
Dự án Nhà máy chế biến gỗ Nhất Hưng Trà Bồng

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy chế biến gỗ Nhất Hưng Trà Bồng tại Báo cáo kết quả thẩm định số 2645/STNMT-ĐTM ngày 15/6/2021 và đề xuất của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 5333/TTr-STNMT ngày 04/11/2021.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy chế biến gỗ Nhất Hưng Trà Bồng (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Nhất Hưng Trà Bồng (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại Thôn Bình Đông, xã Trà Bình, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi, với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án chịu trách nhiệm thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám

sát việc hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

**Điều 4.** Giao các Sở: Tài nguyên và Môi trường; Công thương, UBND huyện Trà Bồng theo chức năng nhiệm vụ thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

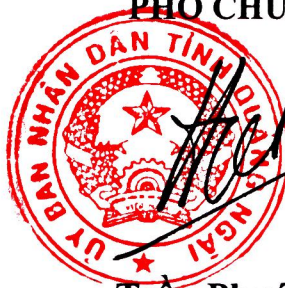
**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 6.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Xây dựng; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng; Chủ tịch UBND xã Trà Bình; Giám đốc Công ty TNHH Nhất Hưng Trà Bồng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 6;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, HCC, CB-TH;
- Lưu: VT, KTN (hc496).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Phước Hiền**

## Phụ lục

### CÁC NỘI DUNG YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN "NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ NHẤT HUNG TRÀ BÔNG"

(Kèm theo Quyết định số ~~1792~~ **1792** QĐ-UBND ngày ~~12~~ **12**/11/2021  
của Chủ tịch UBND tỉnh)

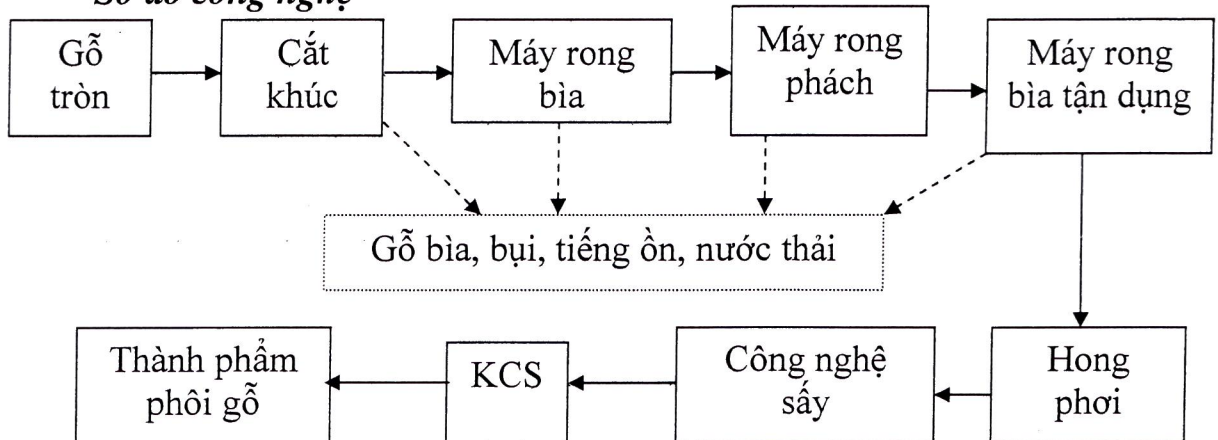
#### 1. Thông tin về Dự án:

- a) Chủ dự án: Công ty TNHH Nhất Hưng Trà Bông.
- b) Địa điểm, quy mô của Dự án:
  - b.1) Địa điểm: Thôn Bình Đông, xã Trà Bình, huyện Trà Bông, tỉnh Quảng Ngãi.
  - b.2) Diện tích và quy mô, công suất Dự án:
    - Tổng diện tích của Dự án là 64.568,7 m<sup>2</sup>; trong đó:
      - + Diện tích hiện hữu: 40.037 m<sup>2</sup>;
      - + Diện tích mở rộng: 24.531,7 m<sup>2</sup>.
    - Quy mô, công suất: 70.000 tấn sản phẩm/năm (gồm: dăm gỗ chiếm 40%, gỗ xẻ, sấy, ghép thanh chiếm 60%).

#### c) Công nghệ sản xuất:

##### c.1) Công nghệ sản xuất cưa – xẻ - sấy gỗ phơi

##### \* Sơ đồ công nghệ



##### \* Thuyết minh công nghệ

Gỗ tròn tự nhiên được tập kết về bãi, lựa ra gỗ có chiều dài được cắt  $L = 1-2\text{m}$ , đường kính cây gỗ  $D \geq 0.15 - 0.25\text{m}$  và được phân loại theo từng chủng loại gỗ nhằm thuận tiện cho việc lựa chọn gỗ để sản xuất theo yêu cầu của khách hàng.

Gỗ tròn được cắt khúc phân đoạn theo kích thước chiều dài sản phẩm. Chỉ được phép cắt dư tối đa 30mm so với sản phẩm tinh, khi cắt gỗ phải tính

được chiều dài sản phẩm chung và chiều dài sản phẩm ngắn cộng dồn. Chú ý cắt đủ kích thước theo yêu cầu, nhằm tiết kiệm nguyên liệu một cách tối đa. Mục đích của công đoạn này là cắt khúc gỗ theo quy cách cho trước để chuẩn bị cho công đoạn rong gỗ ra thành tấm.

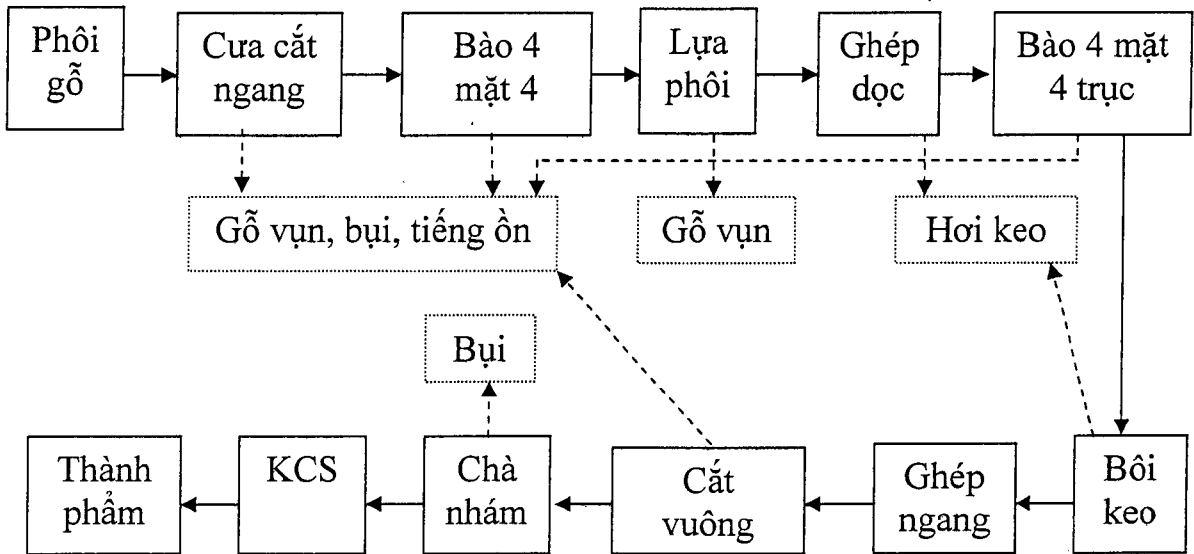
Gỗ tròn được xẻ thành phiêu có kích thước chuẩn theo yêu cầu từng loại sản phẩm cần gia công. Ở giai đoạn này gỗ được xẻ phá mặt ngoài ưu tiên lấy tấm ván có bản rộng, ít bị khuyết tật để làm những sản phẩm có yêu cầu bản rộng. Các tấm bìa (phế liệu do xẻ phá) được xẻ lại bằng máy rong cạnh bìa tận dụng, cho phép tận dụng tối đa phần gỗ thịt còn dính lại ở phần bìa vỏ gỗ. Sấy gỗ là một quá trình dùng nhiệt để tách hơi ẩm ra khỏi gỗ. Sau khi sấy gỗ có độ ẩm MC = 8 ~ 10%.

Sấy gỗ bằng phương pháp sấy nhiệt và hơi nước: dùng tác nhân sấy là hơi nóng lấy từ nồi hơi được đốt bằng củi. Toàn bộ quy trình sấy được điều khiển bằng bộ điều khiển tự động; do vậy với phương pháp này chi phí đầu tư cho thiết bị hợp lý, giá thành hợp lý, công nghệ tiên tiến đang được áp dụng và phổ biến khắp nơi trên thế giới, chất lượng gỗ sau khi sấy tốt, đẹp, đáp ứng nhu cầu gia công sau khi sấy (không nứt tét, rạn bề mặt, ...)

Quá trình cưa, xẻ gỗ làm phát sinh chất thải rắn (gỗ bìa, mùn cưa) và tiếng ồn, nước thải. Gỗ bìa được công nhân thu gom và đưa qua khu chế biến dăm gỗ, một phần được đưa qua khu vực lò đốt cấp nhiệt cho lò hơi.

### c.2) Công nghệ sản xuất gỗ ghép thanh

#### \* Sơ đồ công nghệ



#### \* Thuyết minh sơ đồ công nghệ

- Nguyên liệu sau khi sấy sẽ đạt được độ ẩm 10 ~12% độ dày theo mong muốn.

Gỗ sau khi sấy (có kích thước mong muốn) sẽ được đưa qua các công đoạn sau để tạo thành ván ghép thanh. Kích thước thành phẩm: thông dụng

1220 x 2440mm.

- Sau đó sẽ được đưa vào các máy cưa cắt ngang, bào 4 mặt 4 trục: Phôi sau khi loại bỏ các khuyết tật trên gỗ sẽ được đưa qua máy cưa, bào 4 mặt: Công đoạn này nhằm để đưa phôi về cùng 1 chiều dày, rộng bằng nhau để chuẩn bị cho khâu lựa phôi.

- *Lựa phôi*: đây cũng là một công đoạn quan trọng để phân loại phôi có cùng màu sắc ghép chung vào 1 tấm (đồng màu), đồng thời cũng là công đoạn loại phôi không đạt yêu cầu (sau khi bào 4 mặt) tạo thuận lợi cho công đoạn tiếp theo và nâng cao chất lượng tấm ván. Ván sau khi ghép thường được phân loại theo các tiêu chuẩn như AA (cả 2 mặt đều đẹp không khuyết tật), AB (1 mặt đẹp, 1 mặt khuyết tật), AC (1 mặt đẹp, 1 mặt kia nhiều khuyết tật), BC (1 mặt có khuyết tật và mặt kia nhiều khuyết tật gỗ) ...

- *Ghép dọc*: Phôi sau khi lựa màu, phôi này đã được bào 4 mặt có cùng chiều dày, chiều rộng bằng nhau, sẽ được đưa qua máy đánh mộng tự động, tự động bôi keo và ghép dọc hoàn toàn tự động, công đoạn này nhằm để tạo phôi có chiều dài theo yêu cầu để chuẩn bị cho khâu ghép ngang.

- *Bôi keo*: Sau khi bào 4 mặt phôi sẽ được bôi keo 2 cạnh dọc để chuẩn bị cho khâu ghép ngang. Keo thường dùng là keo 2 thành phần do các nhà cung cấp keo chuyên nghiệp cung cấp (như hãng Konybond, Dynea, National, Hóa keo Bình Thạnh, PNP, ...).

- *Ghép ngang*: Phôi sau khi đã được bôi keo sẽ được chuyển sang công đoạn ghép chiều ngang bằng máy ghép ngang cao tần kích thước lớn (1300 x 2600 mm): công đoạn này nhằm để tạo phôi thành tấm ván ghép từ các thanh phôi gỗ nhỏ theo kích thước mong muốn. Công suất ghép 3 phút/tấm kích thước 1300 x 2500 x 20mm.

- *Cắt vuông tấm ván*: Tấm ván ghép thanh sau khi ghép sẽ được chuyển sang công đoạn tiếp theo là cắt vuông góc theo chiều ngang và chiều dọc theo kích thước gia công thường 1220 x 2440 x 10 ~ 200mm: Công đoạn này nhằm để cắt phôi thành tấm ván có kích thước theo đúng yêu cầu sản xuất trước khi chà nhám.

- *Chà nhám thùng có trục bào*: Tấm ván ghép thanh sau khi được cắt theo đúng quy cách sẽ được chuyển sang công đoạn tiếp theo là bào và chà nhám 2 mặt: công đoạn này nhằm để tạo phôi có độ nhám cho phép trước khi gia công. Do bề mặt ván sau khi ghép sẽ có nhiều keo bám vào do vậy nên dùng máy chà nhám có trục bào để bào lớp keo trước khi qua 2 trục chà nhám thô và chà nhám tinh.

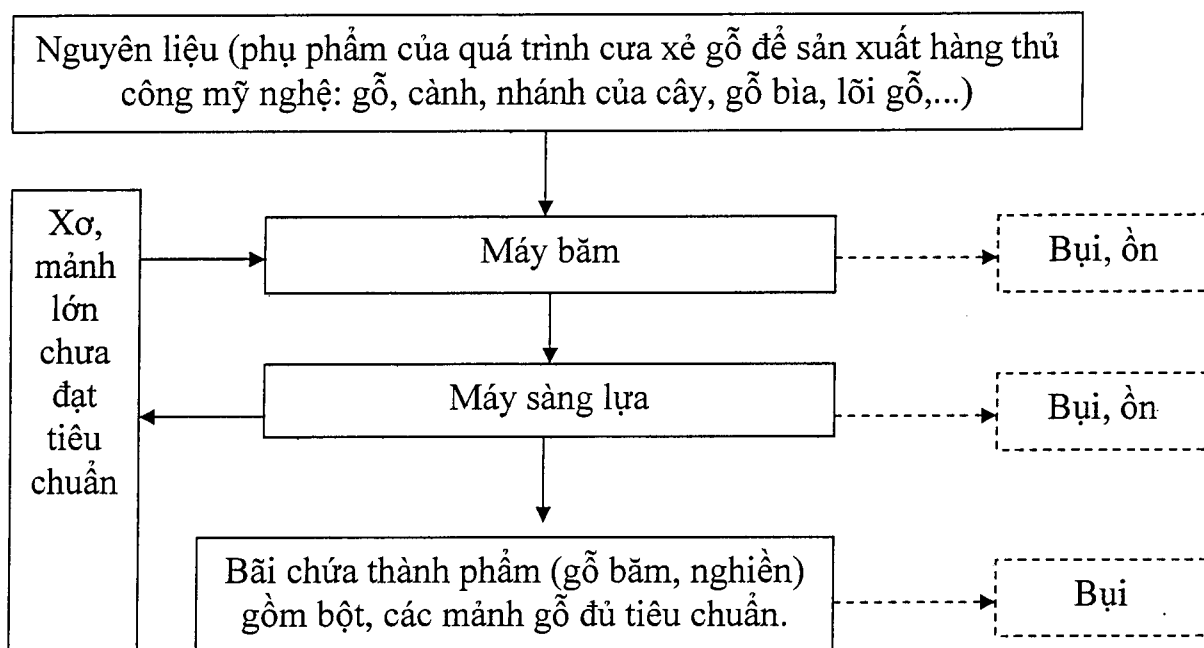
- *Kiểm tra chất lượng sản phẩm*: Sau khi phôi được chà nhám thì tiến hành qua khâu KCS kiểm tra chất lượng sản phẩm của tấm ván, nếu đạt thì cho vào khi thành phẩm, nếu không đạt thì tiến hành xử lý lỗi không cho phép.

Sau khi đã xử lý xong, những tấm ván không đạt yêu cầu thì tiến hành chà nhám lại sau đó nhập kho thành phẩm.

Quá trình sản xuất gỗ ghép thanh chi tiết phát sinh chất thải rắn, bụi, tiếng ồn và hơi keo.

### c.3) Công nghệ sản xuất dăm gỗ

#### \* Sơ đồ công nghệ



#### \* Thuyết minh sơ đồ công nghệ

**Bước 1:** Chuẩn bị nguyên liệu: Nguyên liệu đầu vào là gỗ có đường kính <math><15</math> và phụ phẩm của quá trình cưa xẻ gỗ, cụ thể : Gỗ, cành, nhánh cây, gỗ bìa, lõi gỗ... Các nguyên liệu này được đưa vào máy băm, nghiền để băm, nghiền thành nguyên liệu đầu vào cho quá trình sản xuất ván ép. Sản phẩm băm, nghiền gồm các mảnh gỗ có kích thước từ  $1\text{mm} \div 50\text{mm}$  và mùn gỗ.

**Bước 2:** Dùng xe Gấp đưa nguyên liệu vào khu vực Băm, nghiền, tại đây nguyên liệu đưa vào máy băm, nghiền để băm nghiền thành bột và các mảnh nhỏ theo kích thước quy định:

- + Cỡ mảnh  $> 50\text{ mm}$  : quá cỡ
- + Cỡ mảnh  $\approx 40\text{ mm}$  : được phép  $< 5\%$
- + Cỡ mảnh từ  $4.8\text{ mm} - 40\text{ mm}$  : được phép  $> 92\%$
- + Độ dày  $< 8\text{ mm}$  : được phép  $\leq 8\%$
- + Độ dài : được phép  $9.5\text{ mm} - 22.2\text{ mm}$ .
- + Bụi  $< 4.8\text{ mm}$ : được phép  $< 5\%$
- + Vỏ: được phép  $< 1\%$



*Bước 3:* Gỗ được băm, nghiền sau đó chuyển qua máy sàng để sàng lựa và phân loại:

Những mảnh đủ tiêu chuẩn được chuyển tới bãi chứa sản phẩm bằng hệ thống băng tải.

- Mảnh lớn được chuyển trở lại máy băm bằng băng tải, tiếp tục băm, nghiền ra kích thước đạt tiêu chuẩn.

- Mảnh nhỏ hơn kích thước được chuyển ra bãi chứa và bán cho các đơn vị thu mua làm nguyên liệu cho quá trình sản xuất ván ép và viên gỗ nén sinh học.

*Bước 4:* Dùng máy ủi, máy xúc để dồn sản phẩm thành đống lớn, với chiều cao tối đa không quá 20m.

*Bước 5:* Dùng xe xúc lật hoặc hệ thống băng tải xuất hàng để chuyển sản phẩm lên các phương tiện vận chuyển và xuất bán cho các nhà máy theo hợp đồng.

Quá trình sản xuất dăm phát sinh bụi và tiếng ồn.

d) Các hạng mục, công trình chính, công trình phụ trợ của Dự án:

TT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	Diện tích (m <sup>2</sup> )	GHI CHÚ
<b>I</b>	<b>DIỆN TÍCH ĐẤT HIỆN HỮU</b>	<b>40.037</b>	
<b>A</b>	<b>Đất xây dựng công trình</b>	<b>24.730,9</b>	Đã xây dựng
1	Nhà bảo vệ	25	Đã xây dựng
2	Nhà để xe	300	Đã xây dựng
3	Nhà làm việc	375	Đã xây dựng
4	Bàn cân 40T và 80T	115	Đã xây dựng
5	Nhà xưởng băm dăm + cơ khí	1.200	Đã xây dựng
6	Xưởng cưa xẻ CD	960	Đã xây dựng
7	Xưởng lò sấy + kho gỗ sấy	2.880	Đã xây dựng
8	Xưởng lò đốt	480	Chưa xây dựng
9	Xưởng ghép thanh	2.880	Đã xây dựng
10	Kho thành phẩm	2.304	Xây tạm thời
11	Bể nước PCCC	120	Đã xây dựng
12	Bể xử lý nước thải khu sản xuất gỗ CD + GT	53	Đã xây dựng
13	Bãi chứa nguyên liệu + chất đốt	4.880	Đã xây dựng
14	Bãi chứa nguyên liệu dăm gỗ	8.158,9	Đã xây dựng
<b>B</b>	<b>Đất giao thông nội bộ</b>	<b>6.165,6</b>	Đã xây dựng
<b>C</b>	<b>Đất cây xanh cảnh quan</b>	<b>9.140,5</b>	Đã xây dựng
<b>II</b>	<b>DIỆN TÍCH ĐẤT MỞ RỘNG</b>	<b>24.531,7</b>	
<b>A</b>	<b>Đất xây dựng công trình</b>	<b>11.096</b>	
1	Bãi chứa nguyên liệu + bãi đậu xe	10.450,4	Chưa xây dựng
2	Căn tin + nhà ăn	135,6	Chưa xây dựng

3	Nhà nghỉ công nhân viên	240	Chưa xây dựng
4	Nhà nghỉ công nhân + nhà vệ sinh khu sản xuất	120	Chưa xây dựng
5	Kho chứa chất thải rắn + CTNH	50	Chưa xây dựng
6	Bể xử lý nước thải	100	Chưa xây dựng
<b>B</b>	<b>Đất giao thông nội bộ</b>	<b>6.163,2</b>	Chưa xây dựng
<b>C</b>	<b>Đất cây xanh cảnh quan</b>	<b>7.272,5</b>	Chưa xây dựng
	<b>TỔNG CỘNG: (I+II)</b>	<b>64.568,7</b>	

## 2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

a) Các tác động môi trường chính của Dự án:

TT	CÁC HOẠT ĐỘNG	CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
<b>1</b>	<b><i>Giai đoạn xây dựng Dự án</i></b>	
1.1	Vận chuyển nguyên liệu xây dựng và thiết bị máy móc	Bụi, khí thải, tiếng ồn từ hoạt động giao thông
1.2	Thi công xây dựng các hạng mục công trình và lắp đặt máy móc thiết bị	Bụi, khí thải, tiếng ồn, nước thải xây dựng, chất thải rắn, chất thải nguy hại
1.3	Sinh hoạt của công nhân làm việc tại công trường	Nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt
<b>2</b>	<b><i>Giai đoạn hoạt động</i></b>	
2.1	Các công đoạn trong dây chuyền sản xuất	Bụi, khí thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, tiếng ồn từ hoạt động sản xuất. Nước rỉ dăm, gỗ; nước thải từ khu sản xuất gỗ CD và GT; nước thải từ xử lý khí thải lò đốt.
2.2	Vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm	Bụi, khí thải, tiếng ồn từ hoạt động giao thông
2.3	Sinh hoạt của CBCNV	Nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt

b) Quy mô, tính chất của nước thải:

TT	NGUỒN PHÁT SINH	QUY MÔ, TÍNH CHẤT	VÙNG BỊ TÁC ĐỘNG
<b>1</b>	<b><i>Giai đoạn xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị</i></b>		
1.1	Nước thải sinh hoạt	15 công nhân, với lưu lượng phát sinh khoảng 1,2m <sup>3</sup> /ngày	Khu vực Dự án
1.2	Nước thải từ các hoạt động thi công, xây dựng	Vệ sinh máy móc thiết bị	Khu vực Dự án



TT	NGUỒN PHÁT SINH	QUY MÔ, TÍNH CHẤT	VÙNG BỊ TÁC ĐỘNG
1.3	Nước mưa chảy tràn	Các tạp chất cuốn theo trên bề mặt thi công Dự án. Lượng nước mưa chảy tràn lớn nhất chảy qua khu vực Dự án là 1.286,6 m <sup>3</sup> /ngày.đêm	
<b>2</b>	<b><i>Giai đoạn hoạt động</i></b>		
2.1	Nước thải sinh hoạt	Tổng số lao động của cả Nhà máy sau khi mở rộng và đi vào hoạt động chính thức là: 200 người, phát sinh khoảng 16 m <sup>3</sup> /ngày	Khu vực Dự án
2.2	Nước thải sản xuất	Tổng lượng nước thải sản xuất tại nhà máy là 27,2 m <sup>3</sup> /ngày.đêm.	
2.3	Nước mưa chảy tràn	Các tạp chất cuốn theo trên bề mặt khu vực Dự án. Lượng nước mưa chảy tràn trên cả Nhà máy là 1.286,6 m <sup>3</sup> /ngày.đêm; Lượng nước mưa chảy tràn qua bãi chứa dăm và bãi chứa nguyên liệu khi mưa không liên tục: 140,4 – 234 m <sup>3</sup> /ng.đ; khi mưa liên tục: 468 m <sup>3</sup> /ng.đ.	Khu vực Dự án

## c) Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

TT	NGUỒN PHÁT SINH	QUY MÔ, TÍNH CHẤT	VÙNG BỊ TÁC ĐỘNG
<b>1</b>	<b><i>Giai đoạn xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị</i></b>		
1.1	Vận chuyển nguyên liệu xây dựng, máy móc thiết bị.	Bụi, khí thải, tiếng ồn từ hoạt động giao thông	Khu vực Dự án và dọc tuyến đường vận chuyển
1.2	Xây dựng công trình và lắp đặt máy móc thiết bị	Bụi, khí thải và tiếng ồn từ hoạt động xây dựng, hoạt động hàn, cắt sắt thép	Khu vực Dự án và khu dân cư lân cận
<b>2</b>	<b><i>Giai đoạn hoạt động</i></b>		
2.1	Hoạt động sản xuất	Bụi phát sinh từ quá trình cưa, xẻ thanh, bào, rọc cạnh; từ chà nhám thùng; bụi, khí thải quá trình đốt cấp nhiệt lò hơi; quá trình băm dăm	Khu vực Dự án
2.2	Vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm	Quá trình vận chuyển làm phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn từ hoạt động giao thông	Khu vực Nhà máy và dọc tuyến đường vận chuyển

d) Quy mô, tính chất của chất thải rắn:

TT	NGUỒN PHÁT SINH	QUY MÔ, TÍNH CHẤT	VÙNG BỊ TÁC ĐỘNG
<b>1</b>	<b>Giai đoạn xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị</b>		
1.1	CTR xây dựng	Phát sinh khoảng 1,7 tấn	Khu vực Dự án
1.2	CTR sinh hoạt	15 công nhân, khoảng 4,5 kg/ngày	
<b>2</b>	<b>Giai đoạn hoạt động</b>		
2.1	Chất thải rắn sản xuất thông thường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất thải rắn phát sinh trong hoạt động chế biến sản xuất chủ yếu là vỏ cây, dăm gỗ, gỗ vụn, mùn cưa.</li> <li>- Đinh, vít, sắt vụn, lưỡi cưa hỏng... từ quá trình bảo dưỡng các thiết bị, máy móc. Khối lượng chất thải phát sinh không nhiều và không thường xuyên.</li> <li>- Lượng tro xỉ khoảng 20kg/ngày; bùn cặn từ HTXL khí thải lò đốt khoảng 15kg/lần; lượng bùn cặn từ HTXL nước thải khoảng 1,587 m<sup>3</sup>/ng.đ.</li> </ul>	Khu vực Dự án
2.2	Chất thải rắn sinh hoạt	200 người, phát sinh khoảng 60 – 100 kg/ngày	

đ) Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

TT	NGUỒN PHÁT SINH	QUY MÔ, TÍNH CHẤT	VÙNG BỊ TÁC ĐỘNG
<b>1</b>	<b>Giai đoạn xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị</b>		
	Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị xây dựng	Dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu mỡ, thùng chứa dầu,... với khối lượng khoảng 1 - 2 kg/tháng.	Khu vực Dự án
<b>2</b>	<b>Giai đoạn hoạt động</b>		
	Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất	Giẻ lau nhiễm bẩn, bóng đèn huỳnh quang thải, hộp mực in, dầu nhớt thải, cặn hóa chất dùng để ngâm tẩm gỗ, ... với khối lượng CTNH phát sinh khoảng 30 kg/tháng.	Khu vực Dự án

### 3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

a) Về thu gom và xử lý nước thải:

TT	NGUỒN Ô NHIỄM	CÔNG TRÌNH/BIỆN PHÁP XỬ LÝ	NGUỒN TIẾP NHẬN
----	---------------	----------------------------	-----------------

TT	NGUỒN Ô NHIỄM	CÔNG TRÌNH/BIỆN PHÁP XỬ LÝ	NGUỒN TIẾP NHẬN
<b>1</b>	<b><i>Giai đoạn xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị</i></b>		
1.1	Nước thải sinh hoạt	Sử dụng nhà vệ sinh hiện có	Thuê đơn vị chức năng hút đi xử lý
1.2	Nước thải xây dựng	Quy định khu vực vệ sinh máy móc thiết bị.	Tự thấm xuống đất
1.3	Nước mưa chảy tràn	Tạo các rãnh nhỏ và thoát ra môi trường theo địa hình tự nhiên	Suối Trà Voi
<b>2</b>	<b><i>Giai đoạn hoạt động</i></b>		
2.1	Nước thải sinh hoạt	- Đối với nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh: Được thu gom và xử lý sơ bộ bằng các bể tự hoại 3 ngăn. - Đối với nước thải nhà ăn: được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải của nhà máy để xử lý trước khi thải ra môi trường.	Suối Trà Voi
2.2	Nước thải sản xuất	Thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải – công suất 60 m <sup>3</sup> /ng.đ của nhà máy trước khi thải ra môi trường.	
2.3	Nước mưa chảy tràn	- Đối với nước mưa chảy tràn ngoài khu vực bãi chứa gỗ (mái nhà các công trình, đường giao thông, sân bê tông): được thu gom về hệ thống thoát nước mưa của nhà máy và thoát ra suối Trà Voi. - Đối với nước mưa chảy tràn qua khu vực bãi chứa gỗ, dăm gỗ: Được Nhà máy thu gom, tách và có biện pháp xử lý cụ thể như sau: + Xây gờ chắn cao khoảng 3 – 5cm xung quanh bãi chứa gỗ (gồm gỗ nguyên liệu và bãi chứa dăm) nhằm ngăn nước mưa từ xung quanh chảy vào bãi chứa và nước mưa trong bãi chứa chảy ra xung quanh. + Nước rỉ từ bãi chứa nguyên liệu và chứa dăm được thu gom và dẫn về hồ chứa và lắng lọc bằng vật liệu cát, sỏi, than trước khi thoát ra suối Trà Voi.	

b) Về xử lý bụi, khí thải:

TT	NGUỒN PHÁT SINH	CÔNG TRÌNH/BIỆN PHÁP XỬ LÝ
<b>1</b>	<b><i>Giai đoạn xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị</i></b>	
	Vận chuyển nguyên vật	- Che chắn những khu vực phát sinh nhiều bụi,

	liệu, máy móc thiết bị và thi công xây dựng các hạng mục công trình.	ngăn ngừa phát sinh bụi tại các bãi tập kết vật liệu xây dựng. - Các phương tiện vận chuyển phải phủ bạt, che kín để tránh phát tán bụi ra môi trường xung quanh. - Phun nước giảm bụi tại khu vực Dự án và tưới nước đoạn đường vận chuyển gần khu vực Dự án.
<b>2</b>	<b>Giai đoạn hoạt động</b>	
2.1	Bụi, khí thải từ vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm	- Phủ bạt, che kín thùng xe; - Tưới nước giảm bụi đoạn đường qua nhà dân gần khu vực Dự án; - Bê tông hóa sân nền trong khu vực nhà máy.
2.2	Bụi gỗ từ quá trình cưa, xẻ gỗ	Bố trí hệ thống ống nhánh thu gom bụi tại các khu vực cưa xẻ gỗ. Các ống nhánh dẫn về ống chính và dẫn về cyclon để thu bụi có kích thước lớn. Sau khi qua cyclon, dòng khí mang theo các bụi mịn được dẫn qua thiết bị lọc bụi tay áo để loại bỏ bụi mịn, khí sạch thoát ra ngoài.
2.3	Bụi, khí thải lò đốt cấp nhiệt	Khói thải từ lò đốt cấp nhiệt được dẫn về thiết bị cyclon để loại bỏ bụi có kích thước lớn. Sau đó, dòng khói thải được dẫn qua bồn nước để loại bỏ bụi kích thước nhỏ và bồ hóng. Sau cùng dòng khói thải được dẫn qua ống khói và thoát ra môi trường.

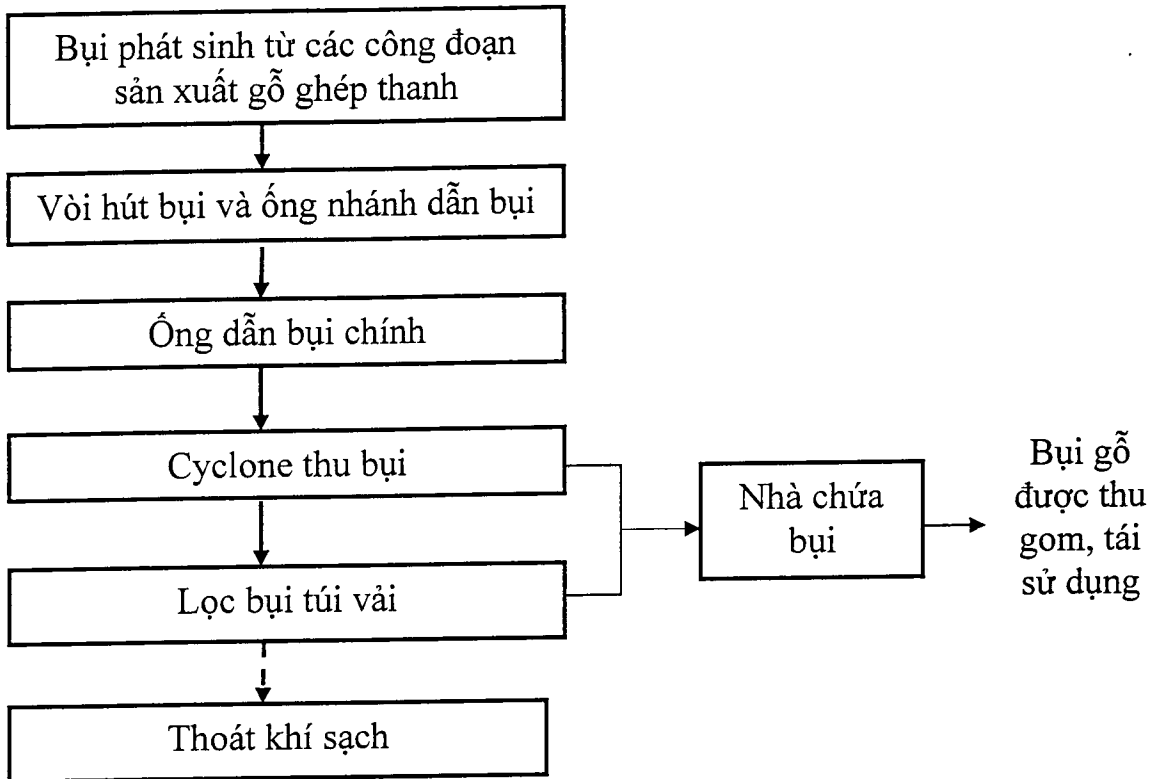
\* Chi tiết về quy trình xử lý bụi, khí thải trong giai đoạn hoạt động như sau:

- Công đoạn gia công gỗ ghép thành chi tiết (cưa cắt, bào, cắt cạnh chà nhám, ...):

Bảng thông số kỹ thuật hệ thống xử lý bụi công đoạn gia công gỗ ghép thành chi tiết

STT	Tên máy móc – thiết bị	Nguồn gốc	Đặc tính kỹ thuật	Tình trạng sử dụng
1	Quạt hút bụi	Việt Nam	Công suất: 42.000 m <sup>3</sup> /h	Mới 90%
2	Hệ thống vòi hút và ống nhánh	Việt Nam	D = 150 – 300mm	Mới 90%
3	Hệ thống ống dẫn bụi chính	Việt Nam	D = 500mm	Mới 90%
4	Cyclon lắng bụi	Việt Nam	$\theta = 1.500$ mm	Mới 90%
5	Buồng chứa bụi gỗ	Việt Nam	V = 6 x 5,4 x 0,5	Mới 90%
6	Túi lọc bụi tinh	Việt Nam	K <sub>t</sub> = $\theta 250$ x L = 2000, vải PE 400.	Mới 90%

Mô tả quy trình xử lý bụi khô từ các công đoạn gia công gỗ ghép thanh chi tiết (cưa cắt, bào, cắt cạnh chà nhám, ..... ) của Cyclon và lọc túi vải.



*Sơ đồ hệ thống xử lý bụi Cyclon và lọc túi vải*

\* Thuyết minh quy trình công nghệ:

Dòng khí và bụi phát sinh trong quá trình sản xuất gỗ từ khu vực sản xuất sẽ được dẫn vào chụp hút qua hệ thống ống thu bụi và khí đưa về Cyclone.

Tại đây dưới tác dụng của lực ly tâm các hạt bụi lớn sẽ bị tách ra khỏi dòng khí, va vào thành Cyclon và rớt xuống đáy của thiết bị, định kỳ được thu ra ngoài. Dòng khí và bụi mịn sẽ đi lên phía trên của thiết bị Cylon và được đưa vào thiết bị lọc túi vải.

Dưới tác dụng của quạt hút, dòng khí và bụi mịn được đưa qua thiết bị lọc túi vải, các hạt bụi có kích thước lớn hơn đường kính túi vải sẽ được giữ lại và định kỳ được thu ra ngoài.

Dòng khí sạch đi qua túi vải sẽ được thoát ra ngoài.

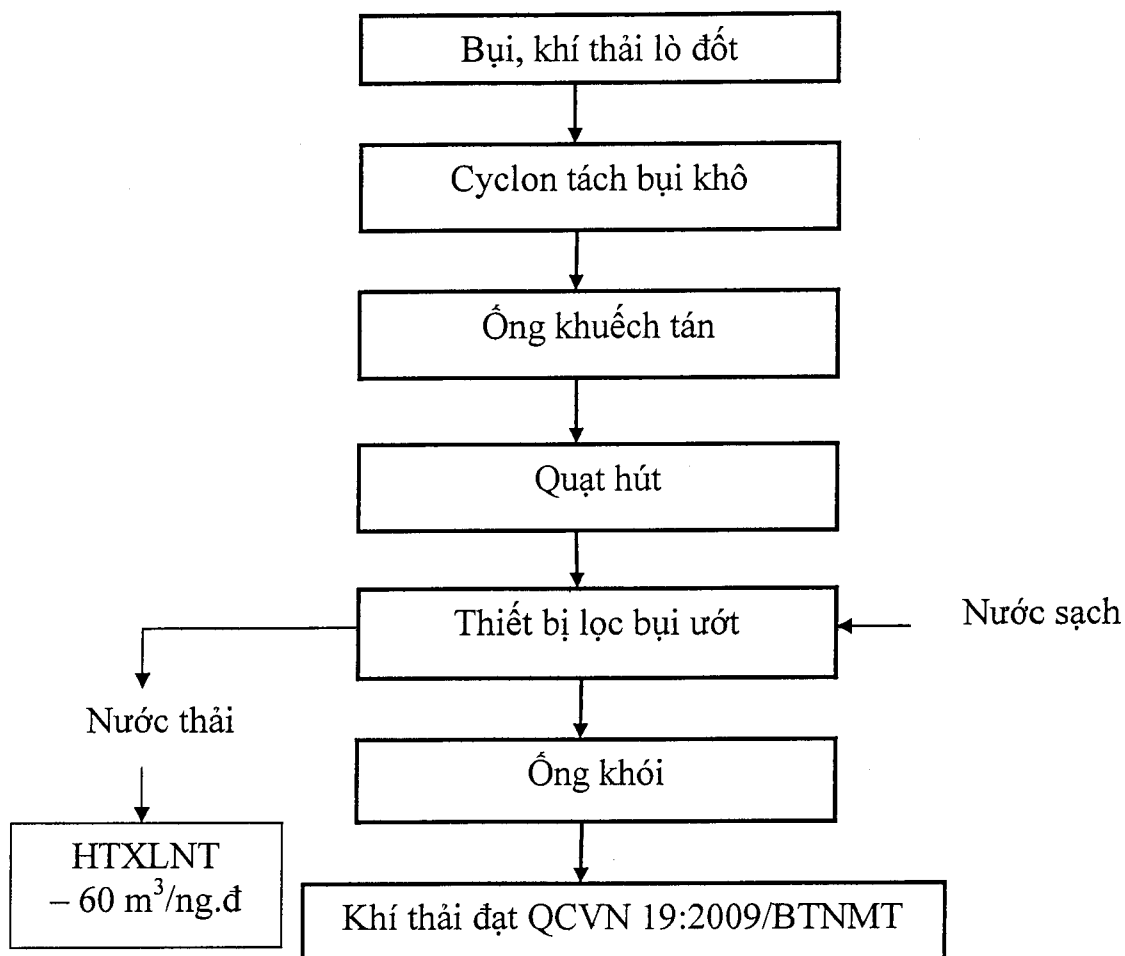
- *Xử lý bụi, khí thải từ quá trình đốt cấp nhiệt lò hơi*

**Thông số kỹ thuật hệ thống xử lý bụi, khí thải lò đốt:**

STT	Tên máy móc - thiết bị	Nguồn gốc	Đặc tính kỹ thuật	Tình trạng sử dụng
1	Quạt hút bụi	Việt Nam	20HP	Mới 90%
2	Cyclon	Việt Nam	$\theta = 1000\text{mm}$	Mới 90%
3	Ống phát tán khí	Việt Nam	Chiều cao 16m;	Mới 90%

			Đường kính d=0,6m	
4	Thiết bị lọc bụi ướt	Việt Nam	1,7x0,8x1,0m	Mới 90%

Mô tả quy trình xử lý bụi, khí thải lò đốt:



### Sơ đồ hệ thống xử lý bụi khí thải lò đốt

\* *Thuyết minh quy trình công nghệ:*

Bụi, khí thải sau khi ra khỏi buồng đốt theo ống thải được dẫn qua thiết bị lọc Cyclon để tách loại phần lớn tro bụi, muội than nhờ lực ly tâm và trọng lực. Tro bụi và muội than có trọng lượng lớn hơn không khí được lắng ở đáy cyclon. Lượng khí còn lại khuếch tán theo đường ống và được quạt đẩy qua tháp nước để lọc bụi và hấp thụ các khí có trong khí thải, sau đó khí sạch theo ống khói cao 16m và phát tán vào không khí. Khí thải sau khi qua ống khói đạt QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B,  $K_p = 1$ ;  $K_v = 1$ ).

Nước thải từ thiết bị lọc bụi ướt định kỳ khoảng 1 tháng/lần được xả cặn về hồ thu kích thước khoảng  $3\text{m}^3$  và được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung – công suất  $60\text{m}^3/\text{ngày đêm}$  của nhà máy để xử lý đạt quy chuẩn trước khi thoát ra suối Trà Voi.

Lượng tro bụi, muội than từ hệ thống xử lý bụi và xỉ than sau quá trình đốt được thu gom và cho người dân để làm phân bón ruộng.



c) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

TT	NGUỒN Ô NHIỄM	CÔNG TRÌNH/BIỆN PHÁP XỬ LÝ
<b>1</b> <i>Giai đoạn xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị</i>		
1.1	Chất thải rắn sinh hoạt	Thu gom rác vào các thùng chứa có nắp đậy tại công trường (5 thùng, loại 120 lít) và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý.
1.2	Chất thải rắn xây dựng	- Chất thải rắn có khả năng tái chế: bán cho các cơ sở thu mua phế liệu. - Chất thải rắn xây dựng có thể tái sử dụng sẽ được sử dụng ngay tại công trường để gia cố nền móng làm sân đường nội bộ. - Chất thải khác (không tái chế, tái sử dụng) được hợp đồng đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển đi xử lý.
<b>2</b> <i>Giai đoạn hoạt động</i>		
2.1	Chất thải rắn sinh hoạt	Thu gom rác vào các thùng chứa có nắp đậy được bố trí trong khu vực Nhà máy và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý
2.2	Chất thải rắn sản xuất	* <i>Đối với hoạt động sản xuất gỗ ghép thanh:</i> Chất thải rắn sản xuất phát sinh chủ yếu là các phụ phẩm của quá trình sản xuất như: gỗ bìa, các loại gỗ keo chưa đủ quy cách, ván gỗ thừa; bụi gỗ thu được từ các hệ thống xử lý bụi và mùn cưa từ xưởng băm dăm, xưởng cưa, xẻ. Giải pháp thu gom và xử lý như sau: + Gỗ bìa, gỗ kích thước nhỏ, ván gỗ thừa: được thu gom và đưa về khu vực băm dăm; một phần được sử dụng làm nguyên liệu cho lò đốt cấp nhiệt. + Bụi gỗ và mùn cưa: được thu gom lưu trữ tại vị trí riêng và hợp đồng với đơn vị hoặc cá nhân có nhu cầu thu mua tái chế. * <i>Đối với hoạt động lò đốt và hệ thống xử lý khí thải lò đốt:</i> Toàn bộ lượng bùn cặn và tro xỉ được công nhân thu gom hằng ngày, lưu chứa tạm thời tại vị trí riêng, sau đó cho người dân thu gom để tận dụng bón ruộng.

d) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

TT	NGUỒN Ô NHIỄM	CÔNG TRÌNH/BIỆN PHÁP XỬ LÝ
1	<i>Giai đoạn xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị</i>	

	Chất thải nguy hại gồm dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu mỡ, thùng chứa dầu,...	Bố trí các thùng chuyên dụng để thu gom, đặt tại kho lưu giữ tạm thời tại khu vực Dự án và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.
<b>2</b>	<b>Giai đoạn hoạt động</b>	
	Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của Nhà máy như: Giẻ lau nhiễm bẩn, bóng đèn huỳnh quang thải, hộp mực in, dầu nhớt thải, cặn hóa chất dùng để ngâm tẩm gỗ, ...	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công ty bố trí thùng chứa được đặt tại các vị trí thích hợp trong nhà xưởng để thu gom riêng các chất thải nguy hại này.</li> <li>- Hàng ngày bố trí công nhân thu gom về khu vực lưu trữ chất thải nguy hại. Kho lưu trữ CTNH được bố trí riêng biệt trong Kho chứa chất thải của Nhà máy, tổng diện tích kho chứa CTR và CTNH có diện tích là 50m<sup>2</sup>. Kho lưu trữ CTNH đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015.</li> <li>- Tại kho CTNH có bố trí các thùng chứa riêng đối với từng loại CTNH và có biển chỉ dẫn trên mỗi thùng.</li> <li>- Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý CTNH theo đúng quy định.</li> </ul>

đ) Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

TT	NGUỒN Ô NHIỄM	CÔNG TRÌNH/BIỆN PHÁP XỬ LÝ
<b>1</b>	<b>Giai đoạn xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị</b>	
	Tiếng ồn và độ rung từ các phương tiện vận chuyển và máy móc thiết bị thi công	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm soát việc bố trí các thiết bị gây ồn và hạn chế vận hành đồng thời các thiết bị gây ồn.</li> <li>- Lựa chọn máy móc, thiết bị có mức gây ồn thấp.</li> <li>- Quy định tốc độ xe khi hoạt động trong khu vực đang thi công.</li> <li>- Phương tiện sử dụng không chở vượt quá tải trọng cho phép, tắt máy khi không cần thiết.</li> <li>- Bố trí thời gian thi công, vận chuyển ra vào phù hợp, tránh thi công vào giờ nghỉ trưa để không gây ảnh hưởng đến giờ nghỉ trưa của công nhân làm việc tại Nhà máy và khu vực lân cận.</li> <li>- Thường xuyên bảo dưỡng và định kỳ kiểm tra các phương tiện giao thông, máy móc xây dựng.</li> </ul>
<b>2</b>	<b>Giai đoạn hoạt động</b>	
	Tiếng ồn và nhiệt dư từ máy móc thiết bị của	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trang bị bảo hộ lao động (nút bịt tai) cho công nhân.</li> <li>- Bố trí máy móc trong các phân xưởng hợp lý, tránh tập trung quá nhiều máy móc phát sinh tiếng ồn lớn</li> </ul>

TT	NGUỒN Ô NHIỄM	CÔNG TRÌNH/BIỆN PHÁP XỬ LÝ
	dây chuyền sản xuất và phương tiện vận chuyển	<p>trong cùng một xưởng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra thường xuyên và bảo dưỡng định kỳ các máy móc thiết bị: Kiểm tra độ cân bằng của máy, độ mài mòn của các chi tiết, tra dầu mỡ và các chi tiết bị mài mòn;</li> <li>- Thiết kế nhà xưởng cao, thông thoáng, mở thêm nhiều cánh cửa xung quanh để hạn chế tích tụ ồn trong xưởng và phân tán ồn theo nhiều hướng khác nhau.</li> <li>- Trồng nhiều cây xanh (cây có tán) để tạo bóng mát.</li> <li>- Quy định thời gian sản xuất hợp lý. Thực hiện bám dăm trong khoảng thời gian từ 06h00' đến 22h00' hàng ngày nhằm hạn chế ảnh hưởng đến sinh hoạt của người dân xung quanh khu vực nhà máy. Đối với các hoạt động sản xuất khác trong khu vực nhà máy, độ ồn phải đảm bảo theo QCVN 26:2010/BTNMT (độ ồn không quá 55dBA trong khoảng thời gian từ 21 giờ đến 06 giờ).</li> <li>- Lắp đặt hệ thống thông gió, quạt công nghiệp tại nhà xưởng để đảm bảo duy trì nhiệt độ trong xưởng vào mùa khô 27 - 28<sup>0</sup>C và tốc độ gió tại khu vực làm việc của công nhân là 1 - 1,5 m/s.</li> </ul>

e) Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

TT	RỦI RO, SỰ CỐ	CÔNG TRÌNH/BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ
<b>1</b>	<b><i>Giai đoạn xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị</i></b>	
1.1	Tai nạn lao động	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng các nội quy về an toàn lao động, bố trí mặt bằng thi công không gây cản trở lẫn nhau.</li> <li>- Có kế hoạch thi công hợp lý, các thiết bị thi công tiên tiến để đảm bảo môi trường, an toàn lao động.</li> <li>- Tuân thủ các điều kiện về an toàn lao động, chú ý vấn đề bố trí máy móc thiết bị và các biện pháp phòng ngừa lao động.</li> <li>- Công nhân được trang bị các trang thiết bị bảo hộ cần thiết.</li> </ul>
1.2	Sự cố cháy nổ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không đốt các nguyên nhiên liệu thừa tại khu vực Dự án; không vớt tàn thuốc bừa bãi ra khu vực xung quanh.</li> <li>- Đường nội bộ trong khu vực công trường phải đảm bảo tia nước phun từ vòi rồng của xe cứu hỏa có thể khống chế được lửa phát sinh ở bất kỳ vị trí nào.</li> <li>- Sắp xếp, bố trí các máy móc thiết bị đảm bảo trật tự, gọn</li> </ul>

		<p>và tạo khoảng cách an toàn cho công nhân khi có sự cố cháy nổ xảy ra.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống dây điện, các chỗ tiếp xúc, cầu dao điện có thể gây ra tia lửa điện phải bố trí thật an toàn.</li> <li>- Bố trí các bình cứu hỏa cầm tay ở những vị trí thích hợp nhất để tiện sử dụng, các phương tiện chữa cháy luôn kiểm tra thường xuyên và đảm bảo trong tình trạng sẵn sàng.</li> <li>- Huấn luyện PCCC cho toàn thể cán bộ, công nhân.</li> </ul>
1.3	Sự cố về thiên tai, biến đổi khí hậu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện đúng kế hoạch thi công, không thi công vào các ngày mưa lũ.</li> <li>- Gia cố chắc chắn các lán trại, nhà ở công trường, kho chứa vật tư và chuẩn bị nơi trú ẩn an toàn cho người và phương tiện khi có bão lũ xảy ra.</li> </ul>
<b>2</b>	<b>Giai đoạn hoạt động</b>	
2.1	Tai nạn lao động	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đào tạo về an toàn lao động cho công nhân.</li> <li>- Căn cứ vào sự bố trí nhân sự trên từng công đoạn sản xuất sẽ trang bị dụng cụ bảo hộ lao động đầy đủ và phù hợp: Nón bảo hộ, quần áo, giày, khẩu trang, bao tay, kính,...</li> <li>- Đảm bảo các yếu tố vi khí hậu và điều kiện lao động đạt tiêu chuẩn do Bộ Y tế ban hành để đảm bảo sức khỏe cho người lao động.</li> <li>- Vệ sinh nhà xưởng sau mỗi ngày làm việc.</li> <li>- Trang bị đầy đủ các thiết bị y tế để kịp thời ứng phó khi sự cố xảy ra.</li> <li>- Trang bị đầy đủ các thiết bị sơ cứu khi xảy ra tai nạn lao động như: khu vực rửa tay, rửa mắt tại khu vực chứa hóa chất phòng trường hợp hóa chất dây vào người ở mức độ nhẹ, các bình chữa cháy, các dụng cụ sơ cứu thương.</li> <li>- Đối với thiết bị sử dụng điện khi lắp đặt trang bị đầy đủ hệ thống bảo vệ, dây tiếp đất và kiểm tra an toàn trước khi cho vận hành. Xây dựng nội quy sử dụng an toàn hệ thống điện của Nhà máy theo quy định.</li> <li>- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa sự cố điện.</li> <li>- Đối với toàn bộ hệ thống máy móc trong Nhà máy cần xây dựng nội quy sử dụng cho từng thiết bị cụ thể đảm bảo an toàn khi vận hành.</li> </ul>
2.2	Tai nạn giao thông	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuân thủ các quy định về an toàn giao thông và chỉ dẫn của người quản lý khi ra vào khu vực Nhà máy.</li> <li>- Sử dụng các phương tiện vận chuyển còn đăng kiểm và thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ.</li> <li>- Đường giao thông nội được thiết kế theo đúng quy định, đảm bảo thông thoáng để có thể sơ tán trong trường hợp</li> </ul>

		<p>khẩn cấp.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định khu vực đỗ xe, nghiêm cấm các xe đỗ sai quy định, đặc biệt tại các vị trí họng cứu hỏa, lối ra vào Nhà máy và các nhà xưởng.</li> </ul>
2.3	Sự cố cháy nổ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bố trí bể chứa nước PCCC kết hợp tiêu cảnh có dung tích 100m<sup>3</sup>; lắp đặt hệ thống PCCC tại khu vực nhà xưởng; bố trí bình chữa cháy cầm tay tại các vị trí dễ xảy ra cháy nổ.</li> <li>- Tuân thủ nghiêm ngặt quy định phòng cháy, chữa cháy.</li> <li>- Cấm tuyệt đối công nhân hút thuốc hoặc sử dụng các thiết bị có thể gây tia lửa điện tại khu vực nhà xưởng, khu vực lưu trữ nguyên liệu, sản phẩm.</li> <li>- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống điện, kịp thời phát hiện sửa chữa những vị trí bị chạm, chập điện.</li> <li>- Thành lập đội PCCC nội bộ, huấn luyện định kỳ và thao dượt thường xuyên.</li> <li>- Luôn có các phương tiện, dụng cụ chữa cháy tại khu vực làm việc, hệ thống PCCC được trang bị đầy đủ và hoàn chỉnh.</li> <li>- Thiết lập danh sách số điện thoại khẩn cấp nội bộ và số điện thoại khẩn cấp bên ngoài để liên lạc.</li> <li>- Khi sự cố cháy nổ xảy ra cần thực hiện các giải pháp cách ly hợp lý để không ảnh hưởng đến các khu vực lân cận, tránh trường hợp cộng hưởng gây cháy nổ lan rộng.</li> </ul>
2.4	Sự cố nồi hơi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công nhân vận hành thường xuyên theo dõi ống thủy để cấp nước cho nồi hơi kịp thời;</li> <li>- Trước khi vận hành nồi hơi: công nhân vận hành có trách nhiệm kiểm tra kỹ toàn bộ máy bơm, đường ống cấp nước,..</li> <li>- Định kỳ bảo dưỡng nồi hơi, vệ sinh cát, cặn bẩn trên các bề mặt kim loại của phần bị đốt nóng trong nồi hơi, vệ sinh đáy nồi,...</li> <li>- Định kỳ kiểm định áp kế nồi hơi,...</li> <li>- Công nhân vận hành được tập huấn, nắm kỹ các phương án xử lý đối với từng trường hợp sự cố.</li> </ul>

#### 4. Danh mục các công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

Những công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án gồm:

- Hệ thống thu gom và bể xử lý nước rỉ dăm, gỗ của nhà máy, nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi thoát ra suối Trà Voi.

- Hệ thống xử lý thu gom, xử lý nước thải sản xuất của nhà máy có công suất 60 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN

40:2011/BTNMT, cột B trước khi thoát ra suối Trà Voi.

- Hệ thống thu gom và xử lý bụi, khí thải: khí thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B.

- Nhà kho chứa chất thải rắn thông thường và CTNH: diện tích 50m<sup>2</sup>.

### 5. Chương trình quản lý, giám sát môi trường:

Với khối lượng các hạng mục xây dựng trong giai đoạn mở rộng của Dự án án ngăn (khoảng 02 tháng). Do đó, Dự án không thực hiện giám sát môi trường trong giai đoạn xây dựng và chỉ thực hiện giám sát trong giai đoạn hoạt động.

TT	Thành phần môi trường	Vị trí	Thông số	Quy chuẩn so sánh	Tần suất giám sát
<b>Giai đoạn hoạt động</b>					
1	Khí thải sau xử lý	Vị trí tại ống khói lò đốt cấp nhiệt (X = 1686918, Y = 567727)	Bụi tổng, SO <sub>2</sub> , CO, NO <sub>x</sub> .	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B; Kp = 1,0; Kv = 1,0.	03 tháng/lần
		Vị trí tại hệ thống lọc bụi túi vải (X = 1686930, Y = 567690)	Bụi tổng		
2	Nước thải	Vị trí tại đầu vào của hệ thống XLNT nhà máy (X=1686892, Y = 567759)	pH, TSS, BOD <sub>5</sub> , COD, NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> , Tổng N, Tổng P, độ màu, Coliforms.	QCVN 40:2011/BTNMT	03 tháng/lần
		Vị trí tại đầu ra của hệ thống XLNT nhà máy trước khi thoát ra suối Trà Voi. (X=1686888, Y = 567756)			
		Vị trí tại đầu vào của hệ thống xử lý nước rỉ gỗ băm dăm. (Tọa độ : X= 1686556; Y = 567545)	pH, TSS, độ màu.		1 lần vào mùa mưa



		Vị trí tại đầu ra của hệ thống xử lý nước rỉ gỗ băm dăm. (Tọa độ : X= 1686563; Y = 567570)			
--	--	--	--	--	--

## 6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường.

a) Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

a.1) Lập kế hoạch và đảm bảo các phương án cần thiết để phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án.

a.2) Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường và phòng chống cháy, nổ trong giai đoạn xây dựng và giai đoạn vận hành theo đúng các quy định của pháp luật.

a.3) Tách riêng toàn bộ hệ thống thu gom thoát nước thải với hệ thống thoát nước mưa; tách riêng nước thải sản xuất và nước rỉ dăm; xây dựng hệ thống xử lý nước thải đảm bảo nước thải sau khi được xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT (cột B với hệ số  $K_q=0,9$  và  $K_f=1,1$ ) trước khi thoát ra suối Trà Voi.

a.4) Xây dựng hệ thống xử lý khí thải, đảm bảo khí thải phát sinh trong quá trình sản xuất tại nhà máy sau khi xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ – QCVN 19:2009/BTNMT, cột B.

a.5) Thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng, hoạt động Dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ và các quy định khác về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại.

a.6) Các phương tiện vận chuyển dăm gỗ phải có thùng kín, nắp đậy để tránh làm rơi vãi dăm gỗ trên đường vận chuyển. Trong trường hợp xảy ra sự cố làm rơi vãi dăm gỗ trên đường vận chuyển thì Chủ dự án phải có biện pháp khắc phục kịp thời.

a.7) Thực hiện các biện pháp quản lý, kỹ thuật để phòng ngừa, ứng cứu các sự cố môi trường có thể xảy ra trong quá trình thực hiện Dự án; thường xuyên kiểm tra các hạng mục công trình, khi phát hiện có sự cố xảy ra phải nhanh chóng khắc phục và thông báo cho các cơ quan chức năng biết để phối hợp xử lý kịp thời.

a.8) Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong Báo cáo đánh giá tác động môi

trường; chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân tham gia đánh giá tác động môi trường giải trình trước cơ quan nhà nước, cơ quan truyền thông về thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường khi được yêu cầu.

b) Chủ dự án chịu các trách nhiệm:

b.1) Lập và niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường tại khu vực triển khai thực hiện Dự án để Nhân dân biết và theo dõi đúng quy định pháp luật.

b.2) Thiết lập hệ thống cảnh báo nguy hiểm, cảnh báo giao thông trong khu vực thi công; thực hiện các biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công phù hợp nhằm giảm thiểu tác động tới các hoạt động giao thông của khu vực cũng như đời sống, sinh kế của dân cư xung quanh.

b.3) Hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra việc thực hiện kế hoạch quản lý môi trường và việc triển khai thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến Dự án khi được yêu cầu.

b.4) Thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải, lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức.

b.5) Xây dựng kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường định kỳ gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 của năm trước để theo dõi, giám sát theo đúng quy định tại khoản 2, Điều 54a Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ

b.6) Đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường hàng năm theo như Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt. Số liệu quan trắc, giám sát phải được cập nhật, lưu giữ và phải có báo cáo gửi cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường trước ngày 31 tháng 12 của năm trước để theo dõi, giám sát theo đúng quy định tại khoản 2, Điều 54a Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ.

b.7) Thực hiện đền bù những thiệt hại môi trường do Dự án gây ra theo đúng các quy định của pháp luật.

b.8) Trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng, phải dừng ngay các hoạt động của Dự án; tổ chức ứng cứu, khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường cấp tỉnh và các cơ quan liên quan nơi thực hiện Dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý./.